

Số: 14 /2018/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 22 tháng 6 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc đặt số hiệu đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 141/TTr- SGTVT ngày 18/5/2018 về việc đặt số hiệu đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Đặt số hiệu 24 tuyến đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các sở, ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 và thay thế Quyết định số 33/2012/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban



nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc công bố số hiệu đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang./ *Đoc*

**Nơi nhận:**

- Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Tổng cục Đường bộ VN;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Kiên Giang;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- UB MTTQ VN tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Như Điều 3 Quyết định;
- Website tỉnh Kiên Giang;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, P. KTCN, P. TH;
- Lưu: VT, SGTVT, cvquoc (01b). *92*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Anh Nhịn**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**DANH MỤC**

**Số hiệu các tuyến đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2018/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

TT	Tên và số hiệu đường bộ		Số hiệu đường bộ	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)
	Tên đường sử dụng theo địa danh					
1	Vĩnh Thông – Phi Thông – Tân Hội		ĐT.961	Thành phố Rạch Giá (Bến đò Giải phóng 9)	Cầu Xã Diêu (giáp tỉnh An Giang)	22,2
2	Lộ Quao – Gò Quao – Vĩnh Tuy		ĐT.962	Quốc lộ 61 (Km60+794), huyện Gò Quao	Bến phà cầu Đò (giáp tỉnh Bạc Liêu)	24,84
3	Tân Hiệp – Giồng Riềng – Vị Thanh		ĐT.963	Quốc lộ 80 (Km96+020), huyện Tân Hiệp	Cầu Long Nĩa (giáp tỉnh Hậu Giang)	40,7
4	Bến Nhứt – Giồng Riềng – Thanh Phước		ĐT.963B	Quốc lộ 61 (Km77+894), huyện Giồng Riềng	Cầu Kênh Ranh (giáp huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ)	28,31
5	Định An – Vĩnh Phú – Vĩnh Thạnh		ĐT.963C	Quốc lộ 61 (Km63+774), huyện Gò Quao	ĐT.963B (cầu Hông Hạnh), huyện Giồng Riềng	15,5
6	Vĩnh Hòa Hưng Nam – Hòa Hưng – Hòa Lợi		ĐT.963D	Công Ba Voi (giáp ranh tỉnh Hậu Giang)	Cầu Kênh Ranh, xã Hòa Lợi (giáp huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ)	33,0
7	Đường Kênh Chông Mỹ		ĐT.964	Quốc lộ 63 (cầu Bàu Môn)	Xã Vân Khánh, huyện An Minh (giáp tỉnh Cà Mau)	48,1



TT	Tên và số hiệu đường bộ		Số hiệu đường bộ	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)
	Tên đang sử dụng theo địa danh					
8	Đê bao U Minh Thượng và đường vào hồ Hoa Mai		DT.965	Quốc lộ 63 (Km37+294), xã Thanh Yên, huyện U Minh Thượng	Hồ Hoa Mai, Vườn Quốc gia U Minh Thượng	68,0
9	An Minh Bắc – Thứ 11 – Vân Khánh		DT.965B	DT.965, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng	DT.964, xã Vân Khánh, huyện An Minh	22,65
10	Vĩnh Thuận – Kênh 2 – Minh Thuận		DT.965C	Quốc lộ 63 (cầu Vĩnh Thuận), huyện Vĩnh Thuận	DT.965, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng	14,0
11	Thứ Hai – Công Sự		DT.966	Quốc lộ 63 (Km12+500), thị trấn Thứ Ba, huyện An Biên	Quốc lộ 63 (Km37+897), xã Thanh Yên, huyện U Minh Thượng	28,0
12	Thứ Bảy – Cán Gáo		DT.967	Cầu Thứ Bảy mới (giao với Quốc lộ 63 – Km24+000)	Cầu Ngã Bát (giáp ranh tỉnh Cà Mau)	29,45
13	Chín Rươi – Xẻo Nhàu		DT.968	Đường hành lang ven biển (Km70+068)	Cảng cá Xẻo Nhàu, huyện An Minh	13,0
14	Nam Thái Sơn – Tri Tôn – Hòn Me		DT.969	Kênh ranh (giáp tỉnh An Giang)	DT.969B, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất	27,2
15	Gàn Giữa – Thổ Sơn – Linh Huỳnh		DT.969B	Quốc lộ 80 (cầu Kiên Bình)	Quốc lộ 80 (cầu Linh Huỳnh)	28,1
16	Tám Ngàn		DT.970	Cầu Tám Ngàn giao với Quốc lộ 80 (Km162+700)	Cầu Ninh Phước (giáp ranh tỉnh An Giang)	12,3
17	Cửa khẩu Quốc gia Giang Thành		DT.970B	Quốc lộ N1	Cửa khẩu Quốc gia Giang	5,64

TT	Tên và số hiệu đường bộ		Số hiệu đường bộ	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)
	Tên đang sử dụng theo địa danh					
18	Tỉnh lộ 11		DT.971	Quốc lộ 80 (thị trấn Kiên Lương)	Ngã Ba Bình Trị (chùa Hang)	32,0
19	Tỉnh lộ 28		DT.972	Quốc lộ 80, phường Pháo Đài, thị xã Hà Tiên	Quốc lộ 80, xã Mỹ Đức, thị xã Hà Tiên	9,5
20	Đường trục Nam Bắc đảo Phú Quốc		DT.973	Cảng An Thới, thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc	Cầu Bà Cái, xã Bãi Thơm, huyện Phú Quốc	51,5
21	Suối Cái – ngã ba Rạch Vem – Gành Dầu		DT.974	Cầu Suối Cái, xã Bãi Thơm, huyện Phú Quốc	UBND xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc	19,69
22	Dương Đông – Cửa Lấp – Bãi Khem		DT.975	Thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc	DT.973, thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc	24,11
23	Dương Đông – Cửa Cạn – Gành Dầu		DT.975B	Thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc	UBND xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc	31
24	Bãi Thơm – Hàm Ninh – Bãi Khem		DT.975C	Cầu Bà Cái, xã Bãi Thơm, huyện Phú Quốc	DT.973, thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc	55,0